TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2024
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đào Thị Thu Vân và ông Trần Thanh Sang.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Quách Thuận An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 373/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy H trình bày, giữa bà và ông Phan Văn T kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do mai mối, có thời gian tìm hiểu được khoảng 9 tháng mới tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện C, tỉnh An Giang năm 2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà ông T thuộc xã N, huyện C, tỉnh An Giang; hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm, sau đó do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi do không đồng quan điểm về việc làm kinh tế trong gia đình. Từ khi sinh cháu Phan Gia H1, sau đám đầy

tháng của cháu H1 thì ông T không liên hệ, nên cả hai vợ chồng không còn sống chung, tự ly thân từ năm 2023 đến nay, hiện nay cũng không liên lạc với ông T, nay nhận thấy tình cảm không còn, nên đề nghị ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Đỗ Ngọc H2, sinh ngày 24/6/2016, Phan Gia H1, sinh ngày 31/01/2023, hiện các con đang do tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phan Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H: Trích lục kết hôn, Giấy khai sinh của cháu H1, trích lục khai sinh của cháu H2, Tờ tường trình của bà H đề ngày 26/6/2024 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Bà Đỗ Thị Thúy H không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác, giữ nguyên yêu cầu giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung; đề nghị rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, xác định đến nay không còn tình cảm với ông T.

- Ông Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thúy H đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị Thúy H và ông Phan Văn T, có đăng ký kết hôn, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, quá trình chung sống giữa bà H, ông T có mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm lo cho vợ, con; bà H xác định không còn tình cảm, quá trình giải quyết vụ án ông cũng không có mặt để có ý hàn gắn hôn nhân, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên Phan Đỗ Ngọc H2, sinh ngày 24/6/2016, Phan Gia H1, sinh ngày 31/01/2023, sau ly hôn bà H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, các con đang sống ổn định cùng bà H, nên đề nghị giao con chung cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà H tự

nguyện rút yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Đỗ Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T, cả bà H và ông T đều cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thúy H trình bày do được mai mối, tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới, hôn nhân giữa bà H với ông T là tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; bà H, ông T đều đủ diều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa bà H khẳng định không còn tình cảm với ông T, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xuất phát từ mâu thuẫn về kinh tế, nên cả hai có thời gian sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, giữa bà với ông T cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông. Cho thấy, tình cảm giữa bà H và ông T là có mâu thuẫn, nên tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà Đỗ Thị Thúy H xác định tới thời điểm Tòa án xét xử vụ án, giữa bà và ông Phan Văn T có 02 con chung tên Phan Đỗ Ngọc H2, sinh ngày 24/6/2016, Phan Gia H1, sinh ngày 31/01/2023, hiện nay các con chung đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu H2, cháu đề nghị được sống chung với mẹ, đối với cháu H1 đến thời điểm xét xử còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, ông T cũng không có ý kiến về con chung, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Vì vậy, để đảm bảo cho sự ổn định về cuộc sống, tâm lý của các cháu, nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà H.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa bà H rút yêu cầu buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con, việc rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con

của bà H là tự nguyện, không bị ép buộc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu của bà H về việc buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung là 4.000.0000 đồng; bà H có quyền khởi kiện lại về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Phan Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 57, 81, 82, 84, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, Điều 217, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy H đối với ông Phan Văn T;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thúy H được ly hôn với ông Phan Văn T, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà H, ông T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: bà Đỗ Thị Thúy H và ông Phan Văn T có 02 con chung tên Phan Đỗ Ngọc H2, sinh ngày 24/6/2016, Phan Gia H1, sinh ngày 31/01/2023, giao các con chung cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H về việc buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

- Về quan hệ tài sản chung: bà H không yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015467 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 13 tháng 5 năm 2024; Bà Đỗ Thị Thúy H đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**